

Số: 178/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2009

THÔNG TƯ
Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
về dự trữ nhà nước đối với phao áo cứu sinh

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với phao áo cứu sinh.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 6 tháng, kể từ ngày ký ban hành và thay thế TCN 05: 2004 ban hành kèm theo Quyết định số 35/2004/QĐ-BTC ngày 14/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

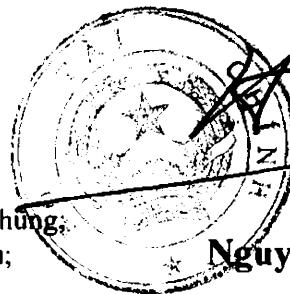
Điều 3. Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, nhập, xuất và bảo quản phao áo cứu sinh có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Các Dự trữ quốc gia khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục Dự trữ quốc gia.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Chí



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 07: 2009/BTC

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHAO ÁO CỨU SINH**

National technical regulation on state reserve of life-jackets

HÀ NỘI - 2009

Lời nói đầu

QCVN 07: 2009/BTC do *Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với phao áo cứu sinh* biên soạn, Cục Dự trữ quốc gia trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 178/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tài chính.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHAO ÁO CỨU SINH

National technical regulation on state reserve of life-jackets

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các chỉ tiêu chất lượng liên quan đến an toàn và phương pháp thử tương ứng; thủ tục giao nhận, vận chuyển, bảo quản và yêu cầu quản lý chất lượng đối với phao áo cứu sinh nhập kho dự trữ nhà nước.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý; giao nhận và bảo quản phao áo cứu sinh dự trữ nhà nước.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Phao áo cứu sinh là loại phao thiết kế theo kiểu áo véc, dùng để nâng miệng của người đã kiệt sức hoặc bất tỉnh lên cách mặt nước tối thiểu 80 mm (*sau đây viết tắt là phao áo*).

1.3.2. Lô phao áo cứu sinh là số lượng quy định phao áo có cùng ký hiệu, cùng kích thước, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp, trong khoảng thời gian nhất định; được đăng kiểm, kiểm tra giao nhận cùng một lúc. Mỗi lô phao áo giao nhận không lớn hơn 5 000 chiếc.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với phao áo cứu sinh dự trữ nhà nước

2.1.1. Vật liệu

- Vải ngoài là Polyeste, màu da cam, tráng nhựa Polyuretan.
- Vải mặt trong là sợi Polyeste, màu da cam (cùng cốt nền như vải ngoài).
- Chỉ may phao áo là sợi Polyeste.
- Vật nổi (ruột xốp trong) là xốp LDPE-FOAM.

2.1.2. Phao áo gồm 1 thân trước và 1 thân sau; thân trước được chia thành 2 vạt, mỗi vạt một tấm liền; thân sau là một tấm liền; không có gổĩ đĩ đầu; vật liệu phản quang được gắn theo quy định TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

2.1.3. Mỗi phao áo phải có một chiếc còi được buộc chắc với phao áo bằng một sợi dây.

2.1.4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của phao áo

Bảng 1: Thông số kỹ thuật chi tiết phao áo

| Các bộ phận của phao áo | Kiểu thứ nhất | Kiểu thứ hai |
|---------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Khối lượng | (635 ± 32) g | (735 ± 37) g |
| Thân trước (dài x rộng) | (610 x 252) ± 20 mm x 2 vạt | (640 x 282) ± 20 mm x 2 vạt |
| Chiều dày vạt nổi thân trước | (35 + 5) mm | (35 + 5) mm |
| Thân sau (dài x rộng) | (610 x 530) ± 20 mm | (640 x 560) ± 20 mm |
| Chiều dày vạt nổi thân sau | (20 ± 2) mm | (20 ± 2) mm |
| Chiều rộng cổ | (300 ± 15) mm | (300 ± 15) mm |
| Chiều dài ve áo | (250 ± 15) mm x 2 | (250 ± 15) mm x 2 |
| Khoảng cách phía ngoài giữa 2 cầu vai | (460 ± 20) mm | (480 ± 20) mm |
| Chiều rộng cầu vai | (100 ± 10) mm | (110 ± 10) mm |

2.1.5. Dây đai, khóa và dây buộc

Dây đai gồm 3 chiếc, màu trắng đen, bằng sợi Polyeste bản rộng 35 mm. Khóa: Có 3 khóa cài bằng nhựa 75 mm x 43 mm và 6 khóa rút bên cạnh sườn 45 mm x 35 mm (mỗi bên sườn 3 khóa). Dây viền quanh áo màu đỏ bằng sợi Polyeste bản rộng 25 mm.

2.1.6. Độ nổi

Theo TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

2.1.7. Độ bền

Theo TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

2.1.8. Tính chịu lửa

Theo TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

2.1.9. Tính chịu dầu

Theo quy định TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

2.1.10. Các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu sản xuất phao áo

2.1.10.1. Vải Polyeste may bọc ngoài phao áo

- Mật độ sợi, sợi/10cm, không nhỏ hơn:

- + Dọc: 350
- + Ngang: 280
- Khối lượng: $(80 \pm 10) \text{ g/m}^2$.
- Độ dày: $(0,10 \pm 0,02) \text{ mm}$.
- Độ bền kéo đứt bằng vải 20 mm x 100 mm không nhỏ hơn:
- + Dọc: 190 N/mm^2
- + Ngang: 140 N/mm^2
- Độ thấm nước dưới áp suất 500 mm H₂O trong 10 phút: Không thấm nước.

2.1.10.2. Đai áo, dây viền quanh phao áo và dây cố định phao áo

- Lực kéo đứt đai áo 35 mm x 150 mm không nhỏ hơn: 1,4 kN.
- Lực kéo đứt dây viền quanh áo 25 mm x 150 mm không nhỏ hơn: 1,0 kN.

2.1.10.3. Khóa phao áo

- Độ bền chịu kéo của khóa cài không nhỏ hơn: 0,5 kN
- Độ bền chịu kéo của khóa nổi không nhỏ hơn: 0,5 kN

2.1.10.4. Ruột xốp LDPE - FOAM (phao)

- Độ dày một lớp không dán ép: $(7,0 \pm 0,5) \text{ mm}$.
- Độ biến dạng dưới tác dụng của một lực không đổi 0,44 kN trong 3 giờ của các lớp xốp dày 35 mm, không lớn hơn: 50 %.
- Độ thấm nước của một lớp xốp dày $(7,0 \pm 0,5) \text{ mm}$ dưới áp suất 700 mm H₂O trong 60 phút: Không thấm nước.

2.1.11. Độ bền màu lớp vải ngoài của phao áo

Không có hiện tượng chuyển màu sau 100 giờ chiếu sáng với cường độ ánh sáng bình thường.

2.2. Yêu cầu về nhà kho

- Phải là loại kho kín, có tường bao; mái che chống nắng, mưa, gió, bão; trần chống nóng.
- Nền kho phẳng, cứng, chịu được tải trọng tối thiểu 3 tấn/m².
- Kho được trang bị đủ quạt thông gió để bảo đảm trong kho luôn khô ráo, thoáng mát; có dụng cụ đo nhiệt độ, độ ẩm không khí.
- Phải có hệ thống chống chim, chuột, phòng trừ mối và sinh vật gây hại khác, có hệ thống điện chiếu sáng phục vụ công tác bảo quản, bảo vệ.
- Phải xa các nguồn hóa chất, nơi dễ cháy nổ, đường điện cao thế, hạn chế tối đa bụi bẩn, bức xạ nhiệt.
- Có nội quy, phương tiện và phương án phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt.

3. PHƯƠNG PHÁP THỬ

3.1. Lấy mẫu

Mẫu được lấy ngẫu nhiên trong quá trình giao nhận và bảo quản để kiểm tra chất lượng phao áo không nhỏ hơn 2 % của lô hàng nhưng không ít hơn 20 chiếc; trong số phao áo lấy để kiểm tra lấy ngẫu nhiên 5 % để xác định các chỉ tiêu cơ lý như quy định tại điểm 2.1.10 của vải Polyeste may bọc ngoài và các vật liệu sản xuất phao áo và kiểm tra độ bền màu theo điểm 2.1.11; phương pháp cất mẫu để kiểm tra theo TCVN 1749: 86 *Vải dệt thoi - Phương pháp lấy mẫu*.

3.2. Phương pháp thử

3.2.1. Độ nổi theo TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

3.2.2. Độ bền theo TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

3.2.3. Tính chịu lửa theo TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

3.2.4. Tính chịu dầu theo TCVN 7282: 2008 *Phao áo cứu sinh*.

3.2.5. Độ bền màu theo TCVN 5466: 2002 *Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu - Phần A02: Thang màu xám để đánh giá sự thay đổi màu*.

3.2.6. Các chỉ tiêu cơ lý của vải Polyeste may bọc ngoài phao áo quy định tại điểm 2.1.10.1 được xác định theo các phương pháp sau:

- Kiểm tra chất liệu vải may bọc ngoài phao áo theo TCVN 5465: 1991 *Phương pháp xác định chất liệu*.

- Mật độ sợi của vải theo TCVN 1753: 86 *Vải dệt thoi- Phương pháp xác định mật độ sợi*.

- Khối lượng của vải theo TCVN 4636: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định khối lượng 1m² và độ dày*.

- Độ bền kéo đứt theo TCVN 4635: 88 *Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền kéo đứt*.

- Độ thấm nước theo ISO 811: 1981 *Vải dệt - Xác định chống thấm nước - Thử áp lực thủy tĩnh*.

3.2.7. Các chỉ tiêu cơ lý của xốp LDPE-FOAM quy định tại điểm 2.1.10.4 được xác định:

- Độ biến dạng của xốp tham khảo ASTM D621-64 *Phương pháp thử về sự biến dạng của chất dẻo dưới tác dụng của tải trọng*.

- Độ thấm nước của xốp tham khảo ISO 811: 1981 *Vải dệt - Xác định chống thấm nước - Thử áp lực thủy tĩnh*.

3.3. Phòng kiểm tra chất lượng

Kiểm tra và chứng nhận các chỉ tiêu cơ lý của vải và vật liệu sản xuất phao áo (như quy định tại điểm 2.1.10) phải do một trong các phòng thử nghiệm được công nhận (Phòng thử nghiệm được công nhận Phòng thử nghiệm VILAS. Trong trường hợp có chỉ tiêu cần kiểm tra mà không có Phòng thử nghiệm được công nhận Phòng thử nghiệm VILAS đáp ứng thì do một trong các Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm tra).

4. THỦ TỤC GIAO NHẬN VÀ BẢO QUẢN PHAO ÁO CỨU SINH

4.1. Vận chuyển

- Phương tiện vận chuyển phải có mui che mưa, che nắng cho hàng hóa và được vệ sinh sạch sẽ trước khi xếp hàng lên phương tiện.

- Khi xếp các thùng hàng lên phương tiện vận chuyển phải xếp theo chiều thẳng đứng (để bảo đảm cho từng phao áo vẫn nằm trải ngang và 10 phao áo chồng lên nhau trong mỗi thùng), các thùng xếp khít cạnh nhau, không chèn quá chặt; có thể xếp chồng 2 hoặc 3 thùng lên nhau.

- Trong quá trình vận chuyển hàng hóa phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định, tổ chức áp tải, bảo vệ đảm bảo an toàn hàng hóa.

4.2. Quy trình kiểm tra khi nhập kho

4.2.1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật

4.2.1.1. Đối với phao áo do cơ sở trong nước sản xuất, cần kiểm tra

- Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất phương tiện cứu sinh.
- Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm (còn hiệu lực).

4.2.1.2. Đối với phao áo do nước ngoài sản xuất được nhập khẩu vào Việt Nam, cần kiểm tra

Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm (còn hiệu lực).

4.2.1.3. Đối với lô phao áo (sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu) kiểm tra

- Biên bản kiểm tra;
- Giấy chứng nhận của lô hàng phù hợp với Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm;
- Nội dung biên bản kiểm tra, Giấy chứng nhận nêu rõ: Loại sản phẩm (ký mã hiệu nếu có), nơi (cơ sở) chế tạo, công dụng, nơi sử dụng (phạm vi sử dụng), ngày sản xuất và các đặc tính kỹ thuật đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

4.2.1.4. Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm do Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp; Giấy chứng nhận và biên bản kiểm tra lô hàng do Đăng kiểm Việt Nam cấp.

4.2.2. Kiểm tra sản phẩm khi giao nhận

Số phao áo được kiểm tra trong quá trình giao nhận tối thiểu là 2 % nhưng không ít hơn 20 chiếc. Nội dung kiểm tra gồm:

4.2.2.1. Kiểm tra số lượng

Số lượng phao áo trong mỗi lô hàng phải phù hợp với số lượng phao áo ghi trong biên bản kiểm tra và Giấy chứng nhận do Đăng kiểm Việt Nam cấp. Tổng số phao áo giao nhận đúng với số lượng trong hợp đồng đã ký.

4.2.2.2. Kiểm tra nhãn phao áo

- Đối với phao áo do cơ sở trong nước sản xuất: Trên nhãn phao áo phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định:

- + Tên cơ sở sản xuất;

QCVN 07: 2009/BTC

- + Ký hiệu của phao áo;
- + Số lô;
- + Tiêu chuẩn, quy phạm;
- + Ngày tháng năm sản xuất (hoặc ngày tháng năm xuất xưởng);
- + Dấu nghiệm thu KCS của cơ sở sản xuất;
- + Ấn chỉ và số kiểm tra của Đăng kiểm Việt Nam.

Các nội dung ghi trên nhãn phải phù hợp với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận lô hàng do Đăng kiểm Việt Nam cấp.

- Đối với phao áo nhập khẩu, phải phù hợp với biên bản kiểm tra và Giấy chứng nhận lô hàng do Đăng kiểm Việt Nam đã cấp.

4.2.2.3. Kiểm tra lớp vải bọc trong, bọc ngoài phao; kiểm tra các kích thước, khối lượng phao áo

- Yêu cầu mặt vải phải nhẵn, không được xước, thủng.
- Các thông số kỹ thuật cơ bản của phao áo phù hợp với yêu cầu tại điểm 2.1.4.

4.2.2.4. Kiểm tra các đường may

Yêu cầu đường may phải đều mũi, chỗ cuối đường may đều được lại mũi chắc chắn, các mối khâu ở mép phải được gấp mép vào trong hoặc có dải viền mép, không ít hơn 10 mm.

4.2.2.5. Kiểm tra các chỉ tiêu cơ lý vật liệu sản xuất phao áo

Trong số phao áo lấy để kiểm tra:

+ Lấy bất kỳ 5 % số phao áo nêu tại điểm 4.2.2 để kiểm tra vật liệu theo quy định tại điểm 2.1.10.

+ Trong số mẫu lấy đi kiểm tra có một chỉ tiêu không đảm bảo chất lượng thì tiến hành kiểm tra thêm 5 % số phao áo tiếp theo. Nếu sau hai lần liên tiếp kiểm tra thêm đều có mẫu vật liệu sản xuất phao áo sai quy định; đơn vị nhập hàng lập biên bản không chấp nhận lô hàng, yêu cầu nhà sản xuất thay lô hàng khác và kiểm tra lại theo quy định.

4.2.2.6. Kiểm tra bao gói

Mỗi phao áo được đựng trong một túi màng nhựa Polyetylen (PE). Các túi đựng phải mới, sạch sẽ, không thủng rách và rộng hơn thân áo. Phần đầu túi được gấp lại không được ngắn hơn 1/2 thân phao áo.

Thùng đựng phao áo là thùng các tông, sạch, cứng, nắp thùng được khép kín. Phao áo được xếp nằm trải ngang trong thùng, không bị chèn chặt, cuộn gấp, không bị nén bẹp, mỗi thùng đựng 10 phao áo. Mặt ngoài thùng các tông ghi đủ nội dung: Kiểu sản phẩm, tên cơ sở sản xuất, số lượng phao áo.

4.3. Bảo quản

4.3.1. Quy hoạch, kê xếp phao áo trong kho

- Cần bảo quản phao áo ở kho riêng. Nếu tận dụng kho lớn có trước thì phải ngăn ra từng khu vực bảo quản cho từng loại hàng hóa.

- Phải xếp phao áo theo lô hàng, để riêng từng chủng loại, quy cách, kích thước, thời gian nhập kho.

- Có sơ đồ vị trí hàng hóa đang bảo quản trong kho để thuận tiện quan sát, theo dõi và kiểm tra hàng hóa.

- Thùng đựng phao áo được xếp trên giá đỡ.

- Giá đỡ làm bằng kim loại hoặc vật liệu tổng hợp bảo đảm chắc chắn, dễ tháo lắp, an toàn trong bảo quản.

+ Giá đỡ có từ 2 tầng đến 3 tầng, mặt tầng của giá đỡ có các thanh đỡ ngang chắc chắn hoặc bằng tấm gỗ nhẵn phẳng (cũng có thể dùng tấm gỗ ván ép công nghiệp).

+ Giá đỡ đặt cách tường, cột nhà kho tối thiểu 0,5 m, khoảng cách giữa 2 hàng giá đỡ là 1,5 m tạo lối đi theo hướng từ phía trước cửa đi vào phía trong kho.

- Thùng hàng xếp trên giá đỡ theo phương thẳng đứng, ở mỗi tầng có thể xếp chồng các thùng lên nhau nhưng không được lớn hơn 3 thùng.

- Khoảng cách giữa mặt trên của thùng hàng trên cùng và trần kho không nhỏ hơn 2,0 m.

- Khoảng cách giữa tầng cuối cùng của giá đỡ với mặt nền kho không nhỏ hơn 0,3 m.

4.3.2. Thẻ lô hàng

Mỗi lô hàng trong kho có đính 1 thẻ ghi nội dung sau:

- Ký hiệu sản phẩm;

- Quy cách;

- Tên cơ sở sản xuất, địa chỉ;

- Ngày sản xuất;

- Số lượng;

- Ngày nhập kho.

4.3.3. Bảo quản định kỳ

Hàng ngày phải kiểm tra kho, bên ngoài các thùng hàng; nếu phát hiện có sự xâm nhập của chuột, mối, nấm mốc, các loại sinh vật gây hại khác hoặc dấu hiệu mất an toàn về hàng hóa... thì phải tìm hiểu rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý ngay. Kiểm tra độ ẩm, nhiệt độ trong kho, thực hiện thông gió tự nhiên hoặc thông gió cưỡng bức (nếu cần thiết).

Mỗi tuần hai lần dùng chổi mềm hoặc máy hút bụi làm sạch bụi, mảng nhện... xung quanh thùng hàng, giá đỡ, trần tường và nền kho.

Ba tháng một lần đảo các thùng hàng theo tuần tự trên xuống dưới, dưới lên trên.

Sáu tháng một lần mở nắp các thùng hàng, kiểm tra phao áo. Mở khóa cài ra cho ngành khóa nghỉ từ 5 phút đến 10 phút (để đàn hồi trở lại, khóa không bị cứng). Dùng giẻ mềm, sạch, khô lau bụi từng túi màng nhựa PE đựng phao áo và phần trong thùng. Khi kiểm tra bằng mắt thường nếu thấy phao áo có hiện tượng ẩm, mốc thì phải có biện pháp xử lý ngay bằng cách dùng bàn chải mềm để chải nhẹ cho hết mốc. Tiếp đến dùng bàn chải thấm xăng chải lại chỗ bị mốc thật kỹ cho đến khi sạch mốc đem phơi phao áo ở nơi thoáng gió, không có ánh nắng trực tiếp từ 1 giờ đến 2 giờ; sau đó để nguội và cất đi như lúc ban đầu (lúc chải bằng xăng tuyệt đối không hút thuốc và tránh xa lửa).

Mỗi năm một lần lấy phao áo ra khỏi túi màng nhựa PE dùng giẻ mềm, sạch, khô hoặc máy hút bụi làm sạch từng chiếc áo, phơi dưới nắng nhẹ từ 1 giờ đến 2 giờ; sau đó để nguội và cho vào túi như lúc ban đầu đồng thời tổng vệ sinh kho và các dụng cụ khác.

Sau 3 năm bảo quản kiểm tra lại độ nổi, độ bền của phao áo (theo quy định tại điểm 2.1.6, 2.1.7) và các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu (quy định tại điểm 2.1.10) để xác định lại thời gian lưu kho của phao áo. Việc kiểm tra do Dự trữ quốc gia khu vực tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả về Cục Dự trữ quốc gia. Nếu các chỉ tiêu cơ lý đạt 85 % trở lên so với ban đầu là đạt yêu cầu; nếu các chỉ tiêu suy giảm dưới 85% là không đạt yêu cầu, các đơn vị báo cáo ngay về Cục Dự trữ quốc gia để Cục xin ý kiến của các cơ quan có chức năng giải quyết.

4.4. Xuất hàng

4.4.1. Khi có lệnh xuất hàng, thủ kho phải chuẩn bị đủ sổ sách, giấy tờ có liên quan và nhân lực bốc xếp.

4.4.2. Kiểm tra chất lượng, số lượng hàng dự kiến xuất .

4.4.3. Xuất hàng theo nguyên tắc: Hàng nhập trước xuất trước, hàng nhập sau xuất sau, xuất gọn từng lô hàng.

4.4.4. Xuất đúng số lượng, đúng chủng loại.

4.4.5. Khi xuất hàng xong phải hoàn chỉnh các thủ tục, chứng từ giao nhận theo đúng quy định.

4.5. Chế độ ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa

4.5.1. Lập thẻ kho

Mỗi kiểu loại phao áo được lập một thẻ kho ghi rõ đầy đủ các nội dung: Tên hàng hóa, kiểu loại, nơi sản xuất (đơn vị chế tạo), số lượng, chất lượng, ngày tháng nhập kho và đủ chữ ký, con dấu đáp ứng thủ tục hành chính và chế độ kế toán quy định hiện hành.

Thẻ kho được để trong hộp tài liệu, trong kho hàng. Nếu có nhiều kiểu loại sản phẩm thì cần lập thêm thẻ kho phụ treo tại lô hàng với nội dung như thẻ kho chính, chỉ khác về số lượng hàng hóa.

4.5.2. Sổ bảo quản

Dùng ghi chép hàng ngày hoặc đột xuất về tình hình công tác bảo quản hàng hóa, diễn biến về số lượng, chất lượng. Sổ phải đóng dấu giáp lai, ghi đủ các nội dung theo mẫu, có đủ các thành phần ký tên và đóng dấu đơn vị.

5. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

5.1. Phao áo sản xuất trong nước

Đối với phao áo sản xuất trong nước phải được chứng nhận phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này theo phương thức thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.

5.2. Phao áo cứu sinh nhập khẩu

5.2.1. Phao áo nhập khẩu phải được chứng nhận hợp quy phù hợp với các quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này. Việc chứng nhận hợp quy phao áo cứu sinh nhập khẩu do một trong các tổ chức sau đây tiến hành:

5.2.1.1. Tổ chức chứng nhận hợp quy trong và ngoài nước được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chỉ định hoặc thừa nhận thực hiện tại nước ngoài.

5.2.1.2. Tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định tiến hành tại Việt Nam theo phương thức thử nghiệm lô hàng hóa.

5.3. Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, dấu hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp

5.3.1. Phao áo cứu sinh để dự trữ nhà nước phải gắn dấu hợp quy.

5.3.2. Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, dấu hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp được quy định tại các điểm 5.1, 5.2 của mục này thực hiện theo Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy ban hành kèm theo Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5.4. Thời gian từ khi sản xuất phao áo đến khi nhập kho dự trữ nhà nước

Không lớn hơn 6 tháng (kể cả thời gian vận chuyển).

5.5. Thời gian lưu kho

Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường (nhiệt độ $T_{max} \leq 35$ °C, độ ẩm $R_{max} \leq 85$ %) thời gian bảo quản phao áo nhập kho dự trữ nhà nước không lớn hơn 4 năm.

6. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất phao áo nhập kho dự trữ nhà nước phải công bố phao áo phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này và đảm bảo chất lượng theo đúng nội dung công bố.

6.2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phao áo nhập kho dự trữ nhà nước phải chịu sự kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

6.3. Cục Dự trữ quốc gia kiểm tra theo các quy định hiện hành đối với việc tuân thủ Quy chuẩn này.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Cục Dự trữ quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy chuẩn này.

7.2. Trong trường hợp các tiêu chuẩn, hướng dẫn quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.